

Bản án số: 65/2024/DS-ST

Ngày: 23 – 5 – 2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phước

Ông Phạm Hữu Thắng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lý Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2024/TLST-DS, ngày 06 tháng 02 năm 2024, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1956; Địa chỉ: Số ÔLK, 24, 17, đường số N14, Khu đô thị A, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Triệu Du N, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số nhà 8/5, ấp 5, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trang Sĩ T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số nhà 612/33A, đường M, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người làm chứng:

+ Ông Trang Xía H, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số nhà 612/33, đường M, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

+ Bà Lâm Thị Thu H, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số nhà 612/33, đường M, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2023 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Triệu Du N trình bày:

Trong năm 2022, ông Trang Sĩ T có vay của bà Phạm Thị L số tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) cụ thể như sau:

- Ngày 17/02/2022, vay số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng)
- Ngày 20/6/2022, vay số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng)
- Ngày 21/6/2022, vay số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng)
- Ngày 15/8/2022, vay số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng)
- Ngày 29/8/2022, vay số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)
- Ngày 06/10/2022, vay số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng)

Đến ngày 24/8/2023, ông Trang Sĩ T có viết “Hợp đồng nợ” đề ngày 24/8/2023, có sự chứng kiến của ông Trang Xía H và bà Lâm Thị Thu H (cha mẹ của ông Trang Sĩ T).

Sau khi viết giấy nợ, ông Trang Sĩ T có trả cho bà Phạm Thị L nhiều lần với số tiền là 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng). Số tiền nợ còn lại là 875.000.000 đồng (tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng) thì ông Trang Sĩ T không trả theo đúng thỏa thuận.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Phạm Thị L yêu cầu: Buộc ông Trang Sĩ T trả cho bà Phạm Thị L số tiền nợ gốc đã vay là 875.000.000 đồng (tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi suất chậm trả 10%/năm tính từ ngày 05/10/2023 cho đến khi trả nợ xong, tạm tính từ ngày 05/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/5/2024 với số tiền là 54.952.917 đồng (năm mươi bốn triệu chín trăm năm mươi hai nghìn chín trăm mười bảy đồng). Tổng số tiền là 929.952.917 đồng (chín trăm hai mươi chín triệu chín trăm năm mươi hai nghìn chín trăm mười bảy đồng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Triệu Du N có thay đổi yêu cầu khởi kiện về thời gian tính lãi suất, cụ thể yêu cầu tiền lãi suất chậm trả 10%/năm tính từ ngày 05/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/5/2024) là 06 tháng 17 ngày với số tiền là 47.690.417 đồng (bốn mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười bảy đồng). Tổng số tiền nợ gốc và lãi là 922.690.417 đồng (chín trăm hai mươi hai triệu sáu trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười bảy đồng).

* Tại phiên tòa bị đơn ông Trang Sĩ T trình bày:

Ông có vay mượn tiền của bà Phạm Thị L 03 (ba) lần cụ thể như sau:

- Ngày 17/02/2022 vay số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng),

- Ngày 20/6/2022 vay số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng)
- Ngày 06/10/2022 vay số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Tổng số tiền vay là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng). Việc vay mượn có thỏa thuận lãi suất và tất cả các lần vay đều có làm biên nhận nợ. Giữa ông và bà Phạm Thị L có thỏa thuận, ông sẽ làm thủ tục chuyển nhượng và chỉnh lý sang tên 02 (hai) thửa đất cho bà Phạm Thị L để trừ nợ, cụ thể là thửa đất số 1401, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.539,7m², đất tọa lạc tại ấp Giồng C, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và thửa đất số 149, tờ bản đồ số 20, diện tích là 2.135,5m², đất tọa lạc tại Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Việc thỏa thuận này được lập thành văn bản vào ngày 21/5/2023. Tuy nhiên sau đó bà Phạm Thị L chuyển nhượng lại không được nên từ chối nhận 02 (hai) thửa đất trên và yêu cầu ông Trang Sĩ T phải làm Hợp đồng nợ vào ngày 24/8/2023, với số tiền nợ là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Trên thực tế số tiền này là bao gồm nợ gốc 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi suất là 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng). Tại hợp đồng nợ ngày 24/8/2023, có thỏa thuận thời gian trả mỗi tháng là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Sau khi ký hợp đồng nợ, ông đã trả cho bà Phạm Thị L số tiền là 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) theo đúng như cam kết (ngày 05/9/2023 trả 100.000.000 đồng và ngày 05/10/2023 trả 25.000.000 đồng). Do hoàn cảnh khó khăn nên từ đó đến nay không có khả năng trả. Ông thừa nhận hiện tại còn nợ bà Phạm Thị L số tiền nợ gốc là 875.000.000 đồng (tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Ông xin được mỗi tháng trả 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Đối với việc bà Phạm Thị L yêu cầu tính lãi suất thì ông không đồng ý. Do số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) trong hợp đồng nợ ngày 24/8/2023 đã bao gồm tiền lãi suất.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung khởi kiện, nguyên đơn bà Phạm Thị L yêu cầu bị đơn ông Trang Sĩ T trả số tiền nợ đã vay và yêu cầu tính lãi suất. Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải

quyết “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn ông Trang Sĩ T hiện đang cư trú tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Những người làm chứng ông Trang Xía H, bà Lâm Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Xét thấy việc vắng mặt của người làm chứng tại phiên tòa không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án. Căn cứ vào Điều 229 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng ông Trang Xía H, bà Lâm Thị Thu H và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[3] Nguyên đơn bà Phạm Thị L thay đổi yêu cầu khởi kiện về thời gian tính lãi suất, cụ thể yêu cầu tiền lãi suất chậm trả 10%/năm tính từ ngày 05/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/5/2024) là 06 tháng 17 ngày với số tiền là 47.690.417 đồng (bốn mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười bảy đồng). Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L.

[4] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L buộc bị đơn bà ông Trang Sĩ T trả số tiền còn nợ là 875.000.000 đồng (tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi suất chậm trả 10%/năm (0,83%/tháng) tính từ ngày 05/11/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/5/2024) là 06 tháng 17 ngày, với số tiền lãi suất là 47.690.417 đồng (bốn mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười bảy đồng). Tổng số tiền nợ gốc và lãi là 922.690.417 đồng (chín trăm hai mươi hai triệu sáu trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười bảy đồng), Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Căn cứ vào “Biên nhận” và “Hợp đồng nợ” do nguyên đơn bà Phạm Thị L cung cấp có thể hiện ông Trang Sĩ T có vay tiền của bà Phạm Thị L cụ thể như sau:

- Biên nhận ngày 17/02/2022, ông Trang Sĩ T có mượn bà Phạm Thị L số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng - *bút lục số 22*).

- Biên nhận ngày 20/6/2022, ông Trang Sĩ T có mượn bà Phạm Thị L số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng - *bút lục số 21*).

- Biên nhận ngày 21/6/2022, ông Trang Sĩ T có mượn bà Phạm Thị L số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng - *bút lục số 20*).

- Biên nhận ngày 15/8/2022, ông Trang Sĩ T có mượn bà Phạm Thị L số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng - *bút lục số 19*).

- Biên nhận ngày 29/8/2022, ông Trang Sĩ T có mượn bà Phạm Thị L số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng - *bút lục số 18*).

- Biên nhận ngày 06/10/2022, ông Trang Sĩ T có mượn bà Phạm Thị L số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng - *bút lục số 17*), hẹn trả vào ngày 06/11/2022.

Ngày 24/8/2023, ông Trang Sĩ T và bà Phạm Thị L lập một “Hợp đồng nợ”, thể hiện tổng số tiền ông Trang Sĩ T nợ bà Phạm Thị L là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) và hẹn đến ngày 05/9/2023 sẽ trả số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Số tiền còn lại 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) sẽ trả trong vòng 36 tháng, mỗi tháng trả 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Thời gian bắt đầu trả là vào ngày 05/10/2023. Hợp đồng nợ có xác nhận của những người làm chứng là ông Trang Xía H và bà Lâm Thị Thu H. Ngoài ra còn thỏa thuận việc bà Phạm Thị L trả lại 02 (hai) phần diện tích đất cho ông Trang Sĩ T.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Trang Sĩ T thừa nhận giữa ông và bà Phạm Thị L có lập hợp đồng nợ ngày 24/8/2023 với số tiền vay là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Ông đã trả được 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) và còn nợ lại là 875.000.000 đồng (tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Ông đồng ý trả số tiền nợ này. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định chứng cứ và những tình tiết sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử công nhận việc ông Trang Sĩ T vay tiền của bà Phạm Thị L là có thật.

Thỏa thuận cho vay tiền giữa bà Phạm Thị L và ông Trang Sĩ T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tại Hợp đồng nợ ngày 24/8/2023, các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ cụ thể ngày 05/9/2023 trả số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) còn lại sẽ trả trong thời gian là 36 tháng, mỗi tháng trả 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Ông Trang Sĩ T đã trả được số tiền là 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) và đến nay đã không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ theo thỏa thuận nên việc bà Phạm Thị L yêu cầu ông Trang Sĩ T trả số tiền nợ gốc 875.000.000 đồng (tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi suất chậm thanh toán là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Nguyên đơn bà Phạm Thị L yêu cầu tính lãi suất là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) kể từ ngày 05/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/5/2024) là 06 tháng 17 ngày với số tiền là 47.690.417 đồng (bốn mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười bảy đồng). Tại phiên tòa bị đơn ông Trang Sĩ T không đồng ý, do ông cho rằng số tiền nợ 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) đã bao gồm tiền nợ gốc là 550.000.000 đồng và tiền lãi suất là 450.000.000 đồng. Xét yêu cầu này của nguyên đơn và lời trình bày của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy, tại Hợp đồng nợ ngày 24/8/2023, chỉ thể hiện số tiền nợ là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), không thể hiện rõ số tiền nợ gốc và tiền lãi suất là bao nhiêu. Nguyên đơn và bị đơn cũng không thỏa thuận lãi suất khi vay tiền. Bị đơn ông Trang Sĩ T không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông là đúng sự thật. Mặt khác, tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật

dân sự năm 2015 quy định “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*”. Đối chiếu với Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về việc tính lãi suất thì mức lãi suất vay giới hạn theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay và lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là bằng 50% mức lãi suất giới hạn 20%/năm, tương ứng là 10%/năm (0.83%/tháng). Nguyên đơn bà Phạm Thị L yêu cầu tính lãi suất là 10%/năm kể từ ngày 05/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/5/2024 (06 tháng 17 ngày) là đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, cần buộc bị đơn ông Trang Sĩ T phải trả số tiền lãi suất là 47.690.417 đồng (bốn mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười bảy đồng) cho nguyên đơn bà Phạm Thị L.

[4.3] Đối với việc bị đơn ông Trang Sĩ T trình bày do hoàn cảnh gia đình hiện tại khó khăn nên mỗi tháng xin trả 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Xét thấy ông Trang Sĩ T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong một khoảng thời gian dài nhưng vẫn không thực hiện. Mặt khác nguyên đơn bà Phạm Thị L không đồng ý đối với yêu cầu xin trả dần của ông Trang Sĩ T nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với lời trình bày này của ông Trang Sĩ T.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn ông Trang Sĩ T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Phạm Thị L không phải chịu án phí và được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 1 Điều 244, Điều 229, khoản 3 Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 4 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L.

Buộc bị đơn ông Trang Sĩ T trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị L tổng số tiền là 922.690.417 đồng (chín trăm hai mươi hai triệu sáu trăm chín mươi nghìn

bốn trăm mười bảy đồng), gồm tiền nợ gốc là 875.000.000 đồng (tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi suất chậm trả là 47.690.417 đồng (bốn mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười bảy đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn bà Phạm Thị L cho đến khi thi hành xong khoản tiền bị đơn ông Trang Sĩ T phải thanh toán cho nguyên đơn bà Phạm Thị L, hàng tháng ông Trang Sĩ T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

- Bị đơn ông Trang Sĩ T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 39.680.713 đồng (ba mươi chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn bảy trăm mười ba đồng).

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn Phạm Thị L và bị đơn ông Trang Sĩ T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố S;
- CC THADS thành phố S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Lệ Hằng